

Số: 1875/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính**  
**thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1503/TTr-SGTVT ngày 07/6/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính về lĩnh vực giao thông vận tải (danh mục kèm theo) được công bố tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016, Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 04/8/2016, Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016, Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017, Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. HĐND tỉnh, Ban PC HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin ĐT tỉnh;
- Phòng TC-HC;
- Lưu: VT, LH, ĐL 12

**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Đức Vinh**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa (42 thủ tục)</b>						
1.	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông B-BGT-284989-TT	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; - Thông tư số 59/2015/TT-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 80/2014/TT-BGTVT	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam B-BGT-284990-TT	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; - Thông tư 59/2015/TT-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 80/2014/TT-BGTVT	Thực vụ chuẩn hóa
3.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa B-BGT-284991-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa B-BGT-284992-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa: 100.000 đồng/lần	- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
5.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa B-BGT-284993-TT	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa: 100.000 đồng/lần	- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật B-BGT-284951-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện B-BGT-284952-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện B-BGT-284955-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
9.	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện B-BGT-284956-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
10.	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam -	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang,	Không có	- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Campuchia cho phương tiện thủy B-BGT-284928-TT		Khánh Hòa)		Campuchia về vận tải thủy ký ngày 17/12/2009; - Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013 của Bộ Giao thông vận tải.	
11.	Cấp lại giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện B-BGT-284929-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy ký ngày 17/12/2009; - Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thủy được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013 của Bộ Giao thông vận tải.	
12.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế B-BGT-284943-TT	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa
13.	Chấp thuận chủ trương nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố) B-BGT-284944-TT	Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận gửi Cục Đường	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và nhà đầu tư.				
14.	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa B-BGT-284945-TT	07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.	Thực vụ chuẩn hóa
15.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa B-BGT-284930-TT	Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định. Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc				
16.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa B-BGT-284931-TT	Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định. Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Phí thẩm tra, thẩm định công bố cảng thủy nội địa: 100.000 đồng/lần	- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
17.	Công bố lại cảng thủy nội địa B-BGT-284932-TT	Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Phí thẩm tra, thẩm định công bố cảng thủy nội địa: 100.000	- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tài thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định. Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 03 ngày làm việc		đồng/lần	quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	
18.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến B-BGT-285365-TT	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới. - Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
19.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh B-BGT-285366-TT	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	<p>- Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.</p>	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
20.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285542-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
21.	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nổi với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285535-TT	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân, Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa
22.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285546-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Ủy	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cho ý kiến.				
23.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285548-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa
24.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285554-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
25.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285533-TT	Căn cứ yêu cầu thực tế xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khu vực trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công bố	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Phục vụ chuẩn hóa
26.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285549-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Phục vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
27.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nội địa đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285552-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.	Phục vụ chuẩn hóa
28.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa B-BGT-284948-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
29.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa B-BGT-284949-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
30.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa B-BGT-284950-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
31.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện B-BGT-284953-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa
32.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác B-BGT-284954-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	70.000 đồng/giấy	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
33.	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải B-BGT-285587-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Phí sát hạch cấp giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng tư: Lý thuyết tổng hợp: 70.000 đồng/lần sát hạch Thực hành: 80.000 đồng/lần sát hạch Phí sát hạch cấp giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng ba: Lý thuyết tổng hợp: 50.000	- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa; - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
				đồng/lần sát hạch Lý thuyết chuyên môn: 50.000 đồng/lần sát hạch Thực hành: 90.000 đồng/lần sát hạch Phí sát hạch cấp giấy CNKNCM máy trưởng hạng ba: Lý thuyết tổng hợp: 40.000 đồng/lần sát hạch Lý thuyết chuyên	quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				môn: 40.000 đồng/lần sát hạch Thực hành: 60.000 đồng/lần sát hạch Sát hạch lại nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó. Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
34.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải B-BGT-285588-TT	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy	Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa; Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.	
35.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa B-BGT-285410-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 2 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
36.	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285539-TT	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa	Phục vụ chuẩn hóa
37.	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương B-BGT-285540-TT	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
38.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa B-BGTVT-285790	Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/1/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Thực vụ chuẩn hóa
39.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa BGTVT-285791	Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/1/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hồ sơ hợp lệ.			thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	
40.	Cấp lại biên hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biên hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được B-BGT-285414-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa. - Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về cấp biên hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.	Phục vụ chuẩn hóa
41.	Cấp lại biên hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biên hiệu hết hiệu lực B-BGT-285413-TT	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn đề lấy ý kiến; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa. - Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về cấp biên hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch.				
42.	Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch B-BGT-285412-TT	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến; - Trong thời hạn 05 ngày	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa. - Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGT-VT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch.			địa vận chuyên khách du lịch.	
<b>II. Lĩnh vực vận tải đường bộ (29 thủ tục)</b>						
43.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. B-BGTVT-285490-TT	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
44.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép. B-BGTVT-285229-TT	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
45.	Cấp phù hiệu xe nội bộ B-BGTVT-285232-TT	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	Thực vụ chuẩn hóa
46.	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ B-BGTVT-285234-TT	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.			Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
47.	Cấp phù hiệu xe trung chuyên B-BGTVT-285481-TT	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.			đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
48.	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên B-BGTVT-285482- TT	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
49.	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo. B-BGT-285479-TT	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	Thực vụ chuẩn hóa
50.	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo. B-BGT-285480-TT	không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc			vận tải đường bộ. - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
51.	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. B-BGT-285242-TT	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận; Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;</p> <p>Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.</p> <p>Trường hợp từ chối cấp</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.				
52.	Cấp lại biên hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. B-BGT-285243-TT	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận; Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biên hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;</p> <p>Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy địnhxin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.</p>				
53.	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. B-BGT-285266-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 của Bộ	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.	
54.	Thủ tục Đăng ký khai thác tuyến B-BGT-285502-TT	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 63 /2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;	Thực vụ chuẩn hóa
55.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác B-BGT-285241-TT	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 63 /2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về tổ chức, quản lý	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</p>	
56.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác B-BGT-285483-TT	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	<p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.</p> <p>- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần I năm 2015</p>	Phục vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
57.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác B-BGT-285484-TT	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách. - Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.	Thực vụ chuẩn hóa
58.	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác B-BGT-285154-TT	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.	Thực vụ chuẩn hóa
59.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác B-BGT-285155-TT	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					dùng nghi đường bộ.	
60.	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện B-BGT-285160-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	Thực vụ chuẩn hóa
61.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện B-BGT-285161-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	Thực vụ chuẩn hóa
62.	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang,	Không có	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tại Việt Nam cho phương tiện của Lào B-BGT-285267-TT		Khánh Hòa)		số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	
63.	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia B-BGT-285494-TT	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</li> </ul>	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
64.	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia – Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam B-BGT-285551-TT	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	Thực vụ chuẩn hóa
65.	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia – Lào – Việt Nam. B-BGT-285156-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
66.	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia – Lào – Việt Nam. B-BGT-285157-TT	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
67.	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia –Lào – Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia. B-BGT-285226-TT	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	Thực vụ chuẩn hóa
68.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào – Campuchia.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	B-BGT-285227-TT				dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.	
69.	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định. B-BGT-285426-TT	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định đối 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên; đăng ký khai thác tuyến trùng tuyến, giờ là 02 ngày.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</li> <li>- Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63 /2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô</li> </ul>	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
70.	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc B-BGT-285304-TT	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Thực vụ chuẩn hóa
71.	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS B-BGT-285268-TT	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng	
<b>III. Lĩnh vực hạ tầng giao thông (16 thủ tục)</b>						
72.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường tỉnh T-KHA-265235-TT	Thời gian giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Qui định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Thực vụ chuẩn hóa
73.	Cấp phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường	Thời gian giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tỉnh T-KHA-265252-TT				bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	
74.	Cấp phép thi công cải tạo vỉa hè đối với đường tỉnh. T-KHA-265254-TT	Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	
75.	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh. T-KHA-265257-TT	Thời gian giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Qui định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Thực vụ chuẩn hóa
76.	Cấp phép thi công nút giao đấu nối đường	Thời gian giải quyết trong 07 ngày làm việc	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;	Thực vụ chuẩn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhánh vào đường tỉnh. T-KHA-265261-TT	kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Trình, Nha Trang, Khánh Hòa)		- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	hóa
77.	Cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh. T-KHA-265263-TT	Thời gian giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	
78.	Gia hạn giấy phép thi công T-KHA-265264-TT	Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Phục vụ chuẩn hóa
79.	Thủ tục cấp giấy	Thời gian giải quyết	Sở Giao thông vận	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày	Phục vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho hệ thống đường tỉnh T-KHA-266328-TT	trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	tại (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)		13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	chuẩn hóa
80.	Thủ tục cấp giấy phép thi công đào vĩa hè, lề đường để thi công sửa chữa đường ống cấp nước sinh hoạt đối với đường tỉnh. T-KHA-266329-TT	Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	
81.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác BGTVT-KHA-285766	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực vụ chuẩn hóa
82.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai	Trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thác BGTVT-KHA- 285767				điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
83.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác BGTVT-KHA- 285768	Trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực vụ chuẩn hóa
84.	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác BGTVT-KHA- 285769	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực vụ chuẩn hóa
85.	Cấp phép thi công nút	Trong 07 ngày làm việc	Sở Giao thông vận	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT	Thực vụ



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giao đấu nối vào quốc lộ B-BGT-285499-TT	kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định	tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)		ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	chuẩn hóa
86.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào quốc lộ B-BGT-285498-TT	Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Thực vụ chuẩn hóa
87.	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác B-BGT-285501-TT	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	
<b>IV. Lĩnh vực đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe</b>						
88.	Cấp mới Giấy phép lái xe B-BGT-285616-TT	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.	Cơ sở được phép đào tạo lái xe.	Thông tư số 188/2016/T T-BTC ngày 8/11/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</li> <li>- Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</li> <li>- Lệ phí: 135.000 đồng/lần.</li> <li>- Phí sát hạch lái xe:</li> </ul>	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.	
89.	Cấp lại Giấy phép lái xe B-BGT-285617-TT	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Thông tư số 188/2016/T T-BTC ngày 8/11/2016	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. - Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/lần.</p> <p>- Phí sát hạch lái xe:</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.</p>	
90.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp B-BGT-285618-TT	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định và có kết quả xác minh trong trường hợp cần thiết.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ</p>	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>	
91.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp B-BGT-285619-TT	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông</p>	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT	
92.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp B-BGT-285620-TT	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định và có kết quả xác minh trong trường hợp cần thiết.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT	Thực vụ chuẩn hóa
93.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp B-BGT-285621-TT	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định và có kết quả xác	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		minh trong trường hợp cần thiết.			<p>phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT</p>	
94.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam B-BGT-285622-TT	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định và có kết quả xác minh trong trường hợp cần thiết.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Lệ phí: 135.000 đồng/lần.	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện</p>	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định số 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT	
95.	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe B-BGT-285580-TT	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
96.	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe B-BGT-285752-TT	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
97.	Cấp giấy phép xe tập lái B-BGT-285576-TT	Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
98.	Cấp lại giấy phép xe tập lái B-BGT-285578-TT	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang,	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quy định.	Khánh Hòa)		doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	
99.	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô B-BGT-285582-TT	Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
100.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo B-BGT-285565-TT	Trong thời hạn không quá 08 (tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
101.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác B-BGT-285566-TT	Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa
102.	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động B-BGT-285751-TT	Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
103.	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động B-BGT-285755-TT	- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới để sát hạch - Không quá 3 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp bị hỏng, mất có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Thực vụ chuẩn hóa

**V. Lĩnh vực kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô (01 thủ tục)**

104.	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh (giá cước vận tải bằng xe ô tô) B-BTC-287031-TT	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có	Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.	Thực vụ chuẩn hóa
------	--	---	---	----------	--	-------------------

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>VI. Lĩnh vực quản lý phương tiện cơ giới đường bộ (11 thủ tục)</b>						
105.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo B-BGT-285493	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo): 50.000 đồng/giấy. - Riêng giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/giấy.	- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.	Phục vụ chuẩn hóa
106.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng,	- Không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu		Thông tư 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông	Phục vụ chuẩn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ B-BGT-285742	đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe	Trình, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không.	vận tải v/v quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.	hóa
107.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu B-BGT-285276	15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp mới kèm theo biển số: 200.000 đồng/Lần/phương tiện - Đóng lại số khung,	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				số máy: 50.000đồng /Lần/ phương tiện	Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
108.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng đi chuyên đến B-BGT-285278	15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000đồng/Lần/phương tiện	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng /Lần/ phương tiện	điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
109.	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý B-BGT-285279	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000đồng/Lần/phương tiện - Cấp lại	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000đồng /Lân/phương tiện - Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng /Lân/phương tiện	BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
110.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn B-BGT-285280	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp mới kèm theo biển số: 200.000đồng /Lân/phương tiện - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				số: 200.000đồng /Lần/phương tiện - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000đồng /Lần/phương tiện - Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng /Lần/phương tiện	trường Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
111.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất B-BGT-285281	Sau 30 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số:	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;	Thực vụ chuẩn hóa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				200.000đồng/Lần/phương tiện - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000đồng/Lần/phương tiện -Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng/Lần/phương tiện	- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
112.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng B-BGT-285285	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	-Cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/ph	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				trong tiền.	ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
113.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng B-BGT-285286	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000đồng/Lần/phươ	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ	Thực vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				ng tiền - Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000đồng /Lần/phương tiện - Đóng lại số khung, số máy: 50.000đồng /Lần /phương tiện	Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	
114.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng B-BGT-285277	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có.	- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>	
115.	Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng B-BGT-285288	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải (04 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa)	Không có.	<p>- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số</p>	Phục vụ chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>	

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Quyết định công bố	Căn cứ pháp lý
1.	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	T-KHA-263590-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
2.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	T-KHA-263591-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
3.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	T-KHA-263592-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
4.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	T-KHA-263593-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
5.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	T-KHA-263594-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	T-KHA-263610-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	T-KHA-263611-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa

8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	T-KHA-263614-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
9.	Xóa đăng ký phương tiện	T-KHA-263615-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
10.	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện	T-KHA-263616-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
11.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế	T-KHA-263617-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
12.	Chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa địa phương	T-KHA-263618-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
13.	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước	T-KHA-263619-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
14.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	T-KHA-263620-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
15.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	T-KHA-263621-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

			ngày 23/5/2016	
16.	Công bố lại cảng thủy nội địa	T-KHA-263622-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
17.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên	T-KHA-263624-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
18.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh.	T-KHA-263625-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
19.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	T-KHA-263626-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
20.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.	T-KHA-263627-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
21.	Cấp phù hiệu xe nội bộ	T-KHA-263628-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
22.	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	T-KHA-263686-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
23.	Cấp phù hiệu xe trung chuyên.	T-KHA-263629-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa



			ngày 23/5/2016	
24.	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên	T-KHA-263630-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
25.	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo.	T-KHA-263631-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
26.	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo.	T-KHA-263632-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
27.	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	T-KHA-263633-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
28.	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	T-KHA-263634-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
29.	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	T-KHA-263635-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
30.	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến.	T-KHA-263636-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

			ngày 23/5/2016	
31.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	T-KHA-263637-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
32.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	T-KHA-263638-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
33.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	T-KHA-263639-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
34.	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	T-KHA-263640-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
35.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	T-KHA-263641-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
36.	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	T-KHA-263642-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
37.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	T-KHA-263643-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
38.	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	T-KHA-263644-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

			ngày 23/5/2016	
39.	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể; các tổ chức sự nghiệp ở địa phương; xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái; phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia), Xe cứu hoả, cứu thương, cứu nạn, xe cứu trợ nhân đạo.	T-KHA-263645-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
40.	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	T-KHA-263646-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
41.	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	T-KHA-263647-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
42.	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	T-KHA-263648-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
43.	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	T-KHA-263649-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
44.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.	T-KHA-263650-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
45.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	T-KHA-263678-TT	Quyết định số	Phục vụ chuẩn hóa

			1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	
46.	Xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	T-KHA-263685-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
47.	Cấp mới biển hiệu đường thủy vận chuyên khách du lịch	T-KHA-265314-TT	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 04/8/2016	Phục vụ chuẩn hóa
48.	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch do hết hiệu lực	T-KHA-265315-TT	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 04/8/2016	Phục vụ chuẩn hóa
49.	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch do mất hoặc hỏng không sử dụng được	T-KHA-265316-TT	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 04/8/2016	Phục vụ chuẩn hóa
50.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng mới có dự án đầu tư xây dựng nối với đường thủy nội địa địa phương.	T-KHA-266167-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
51.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng không có dự án đầu tư xây dựng nối với đường thủy nội địa địa phương.	T-KHA-266168-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
52.	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu khai thác vận tải.	T-KHA-266169-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa

53.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.	T-KHA-266170-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
54.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình liên quan đến an toàn giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương (trừ các công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng).	T-KHA-266171-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
55.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	T-KHA-266172-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
56.	Chấp thuận phương án hoặc chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	T-KHA-266173-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
57.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.	T-KHA-266174-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
58.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường	T-KHA-266175-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa

	thủy nội địa địa phương).			
59.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).	T-KHA-266176-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
60.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	T-KHA-266177-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
61.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	T-KHA-266178-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
62.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	T-KHA-266179-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
63.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	T-KHA-266180-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
64.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	T-KHA-266181-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Phục vụ chuẩn hóa
65.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc đối với tổ chức,	T-KHA-266182-TT	Quyết định số 3553/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

	cá nhân Việt Nam		ngày 23/11/2016	
66.	Cấp mới Giấy phép lái xe	T-KHA-267339-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
67.	Cấp lại Giấy phép lái xe	T-KHA-267340-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
68.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	T-KHA-267341-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
69.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	T-KHA-267342-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
70.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	T-KHA-267343-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
71.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	T-KHA-267344-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
72.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	T-KHA-267345-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
73.	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	T-KHA-267347-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

			ngày 18/7/2017	
74.	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	T-KHA-267348-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
75.	Cấp giấy phép xe tập lái	T-KHA-267349-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
76.	Cấp lại giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái	T-KHA-267350-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
77.	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	T-KHA-267351-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
78.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	T-KHA-267352-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
79.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	T-KHA-267353-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
80.	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	T-KHA-267354-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
81.	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động khi có sự thay đổi về thiết bị	T-KHA-267355-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa



	sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch		ngày 18/7/2017	
82.	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động khi bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận	T-KHA-267356-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
83.	Cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4	T-KHA-267357-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
84.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 do bị mất, bị hỏng	T-KHA-267358-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
85.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 khi thay đổi địa chỉ	T-KHA-267359-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
86.	Kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô	T-KHA-267360-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
87.	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải	T-KHA-267361-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
88.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy	T-KHA-267362-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND	Phục vụ chuẩn hóa

	trường hạng ba, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải		ngày 18/7/2017	
89.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	T-KHA-267363-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
90.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	T-KHA-267364-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
91.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	T-KHA-267365-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
92.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến	T-KHA-267366-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
93.	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý	T-KHA-267367-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
94.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	T-KHA-267368-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
95.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	T-KHA-267369-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa

96.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	T-KHA-267370-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
97.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	T-KHA-267371-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
98.	Lập lại hồ sơ gốc đối với người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng, có tên trong hồ sơ quản lý sát hạch	T-KHA-267346-TT	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Phục vụ chuẩn hóa
99.	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối đường nhánh vào đường Quốc lộ được ủy thác quản lý.	T-KHA-265259-TT	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Phục vụ chuẩn hóa
100.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 23/02/2018	Phục vụ chuẩn hóa
101.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 23/02/2018	Phục vụ chuẩn hóa
102.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 23/02/2018	Phục vụ chuẩn hóa
103.	Giá hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu		Quyết định số	Phục vụ chuẩn hóa

	trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		564/QĐ-UBND ngày 23/02/2018	
--	--	--	--------------------------------	--